Ủy ban nhân dân
Tỉnh Ninh Thuận
15/07/2020 14:25:18

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1133 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 14 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Thí điểm tưới nhỏ giọt phục vụ nông nghiệp ứng phó với tình hình hạn hán tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 1970/BC-STC ngày 09/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Tên dự án: Thí điểm tưới nhỏ giọt phục vụ nông nghiệp ứng phó với tình hình hạn hán tỉnh Ninh Thuận.

2. Chủ đầu tư: Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành: từ ngày 25/12/2017 đến ngày 15/5/2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Đã thanh toán	Còn thanh toán
Tổng số	**5.407.988.682**	**6.524.808.856**	**6.227.475.200**	**297.333.656**
Vốn ODA không hoàn lại và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh	5.407.988.682	6.524.808.856	6.227.475.200	297.333.656

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung chi phí	Giá trị dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	**7.854.758.913**	**6.524.808.856**
Chi phí xây dựng	6.391.585.958	5.638.840.305
Quản lý dự án	134.132.063	107.305.650
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	723.655.784	641.445.945
Chi phí khác	272.407.588	137.216.956
Chi phí dự phòng	332.977.520	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

Stt	**Nội dung**	**Thuộc chủ đầu tư quản lý**		**Giao đơn vị khác quản lý**	
		Giá trị thực tế	**Giá trị quy đổi**	**Giá trị thực tế**	**Giá trị quy đổi**
	Tổng số			**6.524.808.856**	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	/	/	6.524.808.856	/
2	Tài sản ngắn hạn	/	/	/	/

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	**6.524.808.856**	/
Ngân sách nhà nước	6.524.808.856	/

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 11/5/2020 là: 297.333.656 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 364.985.259 đồng;
- Tổng nợ phải thu: 67.651.603 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Bảng tình hình thanh toán và công nợ của dự án do Sở Tài chính lập tại Báo cáo thẩm tra quyết toán số 1970/BC-STC ngày 09/7/2020 kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước	6.524.808.856	/

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn hạch toán tài sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. NQH

CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Công trình: Thí điểm tưới nhỏ giọt phục vụ nông nghiệp ứng phó với tình hình hạn hán tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 1133 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi phí	Kết quả thẩm tra	Đã thanh toán	Công nợ tính đến ngày 11/5/2020	
					Phải trả (+)	Phải thu (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*	
		Tổng cộng	**6.524.808.856**	**6.227.475.200**	**364.985.259**	**-67.651.603**
1	BXDNL&TH các DAODA ngành nước	Quản lý dự án	107.305.650	0	107.305.650	
2	Cty CP ĐTXD Sông Hân	Chi phí xây dựng gói 7	3.545.469.740	3.591.968.089		-46.498.349
3	Cty CP ĐTXD&XLĐ Lộc Phát	Chi phí xây dựng gói 10	432.594.000	432.594.000		
4	Cty CP XLCT&ĐTPT Nam Sơn	Chi phí xây dựng gói 11	760.734.000	760.734.000		
5	Cty TNHH Đạt Thịnh Thành	Chi phí xây dựng gói 12	437.811.564	438.081.000		-269.436
6	Cty CP ĐT&PT VTAS	Chi phí thiết bị gói 13	462.231.000	462.231.000		
7	Cty TNHH TVXD Hưng Thịnh	Lập BCKTKT ban đầu	152.765.699	200.000.000	227.518.653	
		Khảo sát địa hình ban đầu	235.462.498			
		Khảo sát địa chất ban đầu	39.290.456			
8	TT Thủy lợi miền núi phía Bắc	Lập BCKTKT điều chỉnh	56.386.028	73.977.707		-17.591.679
		Khảo sát địa hình bổ sung	33.350.861	36.643.000		-3.292.139
		Hội thảo, truyền thông, tập huấn, hướng dẫn lắp đặt	94.820.000	94.820.000		
9	Cty CPXD Hòa Bình	Giám sát thi công xây dựng	86.990.000	86.990.000		

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi phí	Kết quả thẩm tra	Đã thanh toán	Công nợ tính đến ngày 11/5/2020	
					Phải trả (+)	Phải thu (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*	
10	Cty TNHH TVTK Trung Nguyên	Giám sát thi công xây dựng	35.068.725	35.068.725		
		Giám sát lắp đặt thiết bị	2.131.679	2.131.679		
11	Cty BH Mic Bình Thuận	Bảo hiểm công trình	12.236.000	12.236.000		
12	Sở Xây dựng	Thẩm định BCKTKT	1.010.956	0	1.010.956	
13	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	29.150.000	0	29.150.000	